

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTY CP VẬN TẢI VÀ
XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

===***===

===***===

Số: 2201-2018/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
Mã chứng khoán HAH
Địa chỉ trụ sở chính Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận
Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại 043.9877515
Fax 043.9444022
Người thực hiện công Phạm Thị Hồng Nhung
bố thông tin
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P.Đông Hải, Q.Hải
An, TP.Hải Phòng
Số điện thoại công ty 031.3979721
Fax 031.3979718
Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2017" của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ
Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2018
tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV
năm 2017

Người được ủy quyền công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Tổng Giám đốc




Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367,766,929,223	333,300,607,112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	167,282,259,676	221,639,040,386
1. Tiền	111		99,832,274,499	50,113,388,756
2. Các khoản tương đương tiền	112		67,449,985,177	171,525,651,630
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128,510,305,810	81,364,891,565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98,743,478,905	79,550,746,192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5,511,823,771	432,376,141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	24,469,836,746	1,804,136,344
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(214,833,612)	(422,367,112)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		38,846,510,867	26,902,780,226
1. Hàng tồn kho	141	V.8	38,846,510,867	26,902,780,226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,127,852,870	3,393,894,935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5,056,906,588	1,982,821,436
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28,067,790,882	1,257,918,099
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	153,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		941,742,041,378	633,019,052,530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,360,721,143	3,352,571,143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3,360,721,143	3,352,571,143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		753,287,413,797	543,842,974,919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	749,801,178,109	539,911,057,885
<i>Nguyên giá</i>	222		1,109,198,280,126	808,898,695,403
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(359,397,102,017)	(268,987,637,518)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,486,235,688	3,931,917,034
<i>Nguyên giá</i>	228		6,997,927,885	6,916,677,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,511,692,197)	(2,984,760,851)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	12,525,951,591	23,161,978,675
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12,525,951,591	23,161,978,675
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		38,734,806,231	29,319,448,262
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	28,283,939,731	24,318,581,762
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	10,450,866,500	5,000,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		133,833,148,616	33,342,079,531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	133,833,148,616	33,342,079,531
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,309,508,970,601	966,319,659,642

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		473,361,735,344	391,861,202,770
I. Nợ ngắn hạn	310		280,238,841,235	192,415,371,419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	92,792,786,588	57,657,888,039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	891,588,944	632,941,465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12,647,836,475	16,300,820,733
4. Phải trả người lao động	314		14,834,706,436	12,921,513,980
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	510,691,901	342,472,664
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	60,611,238,429	34,684,758,616
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	78,319,292,105	51,684,745,565
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	16,982,357,647	15,541,887,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		193,122,894,109	199,445,831,351
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	50,000,000,000	90,604,520,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	143,122,894,109	108,841,311,351
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CMCT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		836,147,235,257	574,458,456,872
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	836,147,235,257	574,458,456,872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		345,078,180,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		345,078,180,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,738,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(10,359,064,178)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		152,064,070,809	131,730,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124,265,517,022	153,894,000,153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10,955,140,153	153,894,000,153
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		113,310,376,869	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		170,922,006,182	8,442,749,166
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,309,508,970,601	966,319,659,642

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hào



Phạm Thị Hồng Nhung



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	251,106,398,624	144,401,949,198	777,929,634,332	487,581,506,358
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10	VI.1	251,106,398,624	144,401,949,198	777,929,634,332	487,581,506,358
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	189,446,907,504	97,174,849,947	574,310,554,828	320,849,819,073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		61,659,491,120	47,227,099,251	203,619,079,504	166,731,687,285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,956,684,382	10,540,191,278	16,560,361,052	21,094,354,635
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,597,519,299	2,744,726,445	6,484,240,121	5,949,798,247
Trong đó: chi phí lãi vay	23		936,669,834	1,040,381,337	4,943,758,280	3,873,469,703
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, li	24	VI.5	1,203,627,426	(5,002,820,458)	3,965,357,969	(1,843,769,338)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12,238,662,547	9,021,317,564	45,404,850,359	32,371,884,670
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50,983,621,082	40,998,426,062	172,255,708,045	147,660,589,665
12. Thu nhập khác	31	VI.7	266,819,090	43,184,404	1,549,690,713	1,077,325,268
13. Chi phí khác	32	VI.8	825,271,267	(22,312,072)	1,222,161,019	75,055,320
14. Lợi nhuận khác	40		(558,452,177)	65,496,476	327,529,694	1,002,269,948
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,425,168,905	41,063,922,538	172,583,237,739	148,662,859,613
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hà	51		8,909,557,809	4,295,999,056	20,039,658,854	14,831,274,083
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lậ	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41,515,611,096	36,767,923,482	152,543,578,885	133,831,585,530
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		38,152,726,083	36,732,996,053	147,245,141,869	133,777,580,323
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		3,362,885,013	34,927,429	5,298,437,016	54,005,207
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,047	1,564	3,368	3,629
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 28 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		172,583,237,739	148,662,859,613
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		90,936,395,845	76,511,015,685
- Các khoản dự phòng	03		(207,533,500)	115,873,500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29,697,281	743,004,388
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16,036,002,391)	(17,492,193,718)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6,905,560,271	3,873,469,703
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		254,211,355,245	212,414,029,171
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		66,035,605,019	2,579,616,608
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,568,381,862)	1,268,535,967
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12,319,154,483)	23,037,425,697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(83,886,855,287)	(24,583,027,357)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6,608,962,034)	(4,045,882,877)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(26,779,010,033)	(26,405,051,785)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(8,048,530,000)	(7,015,070,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		181,036,066,565	177,250,575,424
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(294,256,497,186)	(31,498,185,959)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	31,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44,022,661,100)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(293,997,484)	17,420,717,798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(338,573,155,770)	(14,045,649,979)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	249,653,644,614	8,395,480,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4,561,855,500)	(7,788,034,178)
3. Tiền thu từ đi vay	33	75,223,588,301	17,179,245,021
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(104,047,809,533)	(48,190,924,836)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(113,016,110,000)	(68,766,987,000)
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	103,251,457,882	(99,171,220,993)
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(54,285,631,323)	64,033,704,452
		-	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	221,639,040,386	157,637,362,387
		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(71,149,387)	(32,026,153)
		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	167,282,259,676	221,639,040,686

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải Container Hải An với tỷ lệ góp vốn là 50,5% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là kinh doanh tàu vận tải container.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	69,13%	69,13%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh kho bãi	51%		51%	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.
- (ii) Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Pan Hải An.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải an	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		50%	50%	50%	50%

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Tập đoàn có 276 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 212 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,939,895,930	635,640,375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97,892,378,569	49,477,748,381
Các khoản tương đương tiền	67,449,985,177	171,525,651,630
Cộng	167,282,259,676	221,639,040,386

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Vốn góp	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Vốn góp	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1,000,000,000	1,525,939,083	2,525,939,083	1,000,000,000	1,032,551,462	2,032,551,462
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12,500,000,000	13,258,000,648	25,758,000,648	5,000,000,000	17,286,030,300	22,286,030,300
Cộng	13,500,000,000	14,783,939,731	28,283,939,731	6,000,000,000	18,318,581,762	24,318,581,762

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2,032,551,462	649,387,621	(156,000,000)	2,525,939,083
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	22,286,030,300	5,971,970,348	(2,500,000,000)	25,758,000,648
Cộng	24,318,581,762	6,621,357,969	(2,656,000,000)	28,283,939,731

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	11,585,438,137	18,814,657,722
Phải trả về hoạt động khai thác tàu	14,689,254,948	25,917,005,611
Phải trả về hoạt động khai thác cảng	434,845,231	239,235,000
Chia lợi nhuận tàu	5,462,402,733	0
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	263,053,000	221,599,000
Nhận tiền chia lãi		2,000,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về hoạt động khai thác tàu	11,372,950,454	4,058,101,274
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,386,060,108	1,400,776,606
Phải trả về hoạt động khai thác cảng	10,462,853,280	10,572,780,440
Nhận tiền chia lãi	156,000,000	195,000,000
Cảng Hải An cho vay	1,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10,450,866,500	-	10,450,866,500	5,000,866,500	-	5,000,866,500
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	10,000,000,000		10,000,000,000	5,000,000,000		5,000,000,000
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	864,000		864,000
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	2,500		2,500
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450,000,000		450,000,000			
Cộng	10,450,866,500	-	10,450,866,500	5,000,866,500	-	5,000,866,500

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6,325,698,686	2,496,502,737
Công ty Cổ phần Transimex	-	887,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	255,843,300	109,787,510
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	3,800,000	385,000,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	367,116,752	359,136,572
Công ty cổ phần Hải Minh	17,700,000	40,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	315,026,290	125,287,078
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	2,903,186,006	557,174,577
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hồ Chí Minh	408,425,500	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,054,600,838	32,417,000
Phải thu các khách hàng khác	92,417,780,219	77,054,243,455
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	3,158,241,547	11,248,851,414
Pendulum Express Lines Pte Ltd	17,467,217,397	10,543,900,307
PENEX CONTAINER LINES PTE LTD	2,559,914,970	
SM LINE CORPORATION	2,781,695,449	
Công ty Cổ phần Gemadep	1,642,774,995	
Các khách hàng khác	64,807,935,861	55,261,491,734
Cộng	98,743,478,905	79,550,746,192

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5,511,823,771	432,376,141
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239,222,508	239,222,508
Công ty cổ phần ĐT & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	3,227,833	3,227,833
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt nam	205,794,000	77,349,000
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68,000,000	68,000,000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	42,703,231	44,576,800
FAR SHIPPING AGENCY LANKA(PVT)LTD.	1,697,082,031	
ABS Americas	500,158,750	
Kettenfabrik Mester Gmbh	1,758,494	
Alfa Laval Singapore Pte Ltd	553,187,616	
Các nhà cung cấp khác	2,200,689,308	
Cộng	5,511,823,771	432,376,141

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	24,469,836,746	-	1,804,136,344	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	814,358,750		-	
Tiền lãi dự thu	113,607,063		305,549,133	
Ký cược, ký quỹ	20,156,857,220		1,131,470,005	
Tạm ứng	211,810,000		241,428,365	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3,173,203,713		125,688,841	
Cộng	24,469,836,746	-	1,804,136,344	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3,360,721,143	-	3,352,571,143	-
Ký cược, ký quỹ	3,360,721,143		3,352,571,143	
Cộng	3,360,721,143	-	3,352,571,143	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	214,833,612		-	532,738,612	110,371,500
Công ty TNHH Vận Tài Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486	-	3 năm	65,089,486	-
Công ty TNHH Vận tài Thương Mai Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126	-	3 năm	99,744,126	-
Công ty TNHH K.N.V - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ (HAP)	Từ 1 đến dưới 2 năm			Từ 1 đến dưới 2 năm	200,000,000	60,000,000
Công ty TNHH K.N.V - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ (HATS)	Trên 2 năm	50,000,000		Từ 1 đến dưới 2 năm	167,905,000	50,371,500
Cộng		214,833,612			532,738,612	110,371,500

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	422,367,112		422,367,112
Trích lập dự phòng bổ sung	-		-
Hoàn nhập dự phòng	(207,533,500)		(207,533,500)
Số cuối năm	214,833,612	-	214,833,612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38,735,928,460		26,848,458,406	
Công cụ, dụng cụ	110,582,407		54,321,820	
Cộng	38,846,510,867	-	26,902,780,226	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1,568,709,520	877,637,846
Công cụ dụng cụ, sửa chữa bãi	2,173,536,068	1,105,183,590
Cộng	3,742,245,588	1,982,821,436

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản, thiết bị	12,422,102,491	31,957,698,590
Công cụ dụng cụ	3,760,051,125	1,384,380,941
Chi phí thuê đất	117,650,995,000	
Cộng	133,833,148,616	33,342,079,531

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	199,103,152,320	276,183,759,177	331,692,204,380	1,778,443,162	141,136,364	808,898,695,403
Đầu tư XD/CB hoàn thành, mua sắm mới		78,973,000	278,824,557,733	552,183,636	20,843,870,354	300,299,584,723
Số cuối năm	199,103,152,320	276,262,732,177	610,516,762,113	2,330,626,798	20,985,006,718	1,109,198,280,126
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	80,917,412,070	122,872,298,079	63,743,316,855	1,390,140,817	64,469,697	268,987,637,518
Khấu hao trong năm	12,871,983,831	30,067,820,827	45,225,123,741	140,774,081	2,103,762,019	90,409,464,499
Số cuối năm	93,789,395,901	152,940,118,906	108,968,440,596	1,530,914,898	2,168,231,716	359,397,102,017
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	118,185,740,250	153,311,461,098	267,948,887,525	388,302,345	76,666,667	539,911,057,885
Số cuối năm	105,313,756,419	123,322,613,271	501,548,321,517	799,711,900	18,816,775,002	749,801,178,109

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	1,971,662,649	6,916,677,885
Tăng, nâng cấp TS		81,250,000	81,250,000
Số cuối kỳ	4,945,015,236	2,052,912,649	6,997,927,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,826,359,557	1,158,401,294	2,984,760,851
Khấu hao trong kỳ	141,286,152	385,645,194	526,931,346
Số cuối kỳ	1,967,645,709	1,544,046,488	3,511,692,197

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm	3,118,655,679	813,261,355	3,931,917,034
Số cuối kỳ	2,977,369,527	508,866,161	3,486,235,688

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	21,778,927,766	13,646,617,363	(28,065,048,083)		7,360,497,046
Xây dựng cơ bản dở dang	1,383,050,909	5,988,463,636		(2,206,060,000)	5,165,454,545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	606,733,170		(606,733,170)	-
Cộng	23,161,978,675	20,241,814,169	(28,065,048,083)	(2,812,793,170)	12,525,951,591

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	10,207,461,426	9,559,712,196
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1,014,032,208	300,644,036
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	3,875,655,526	3,162,792,821
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	2,396,960,507	-
Công ty Cổ phần Transimex	-	335,114,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,920,813,185	5,761,161,339
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	82,585,325,162	48,098,175,843
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	3,482,339,886	9,750,250,908
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	12,018,975,517	7,995,319,387
Megatop Agency Limited	-	2,163,109,696
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	3,354,313,024	1,005,360,580
Công ty CP TM và DV Voscò	3,952,829,771	2,091,868,867
International Bunker Services Limited	10,461,573,453	
Các nhà cung cấp khác	49,315,293,511	25,092,266,405
Cộng	92,792,786,588	57,657,888,039

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	3,000,000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh	3,000,000	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	888,588,944	632,941,465
A.P.Moller-Maersk A/S	-	319,895,065
Công ty cổ phần vận tải và tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương	-	102,645,000
Các khách hàng khác	888,588,944	210,401,400
Cộng	891,588,944	632,941,465

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.910.709.232		1.966.290.774	
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400		3.155.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.620.538.920	150.000.000	8.835.388.252	
Thuế thu nhập cá nhân	1.789.993.281		1.846.157.449	
Tiền thuế đất	979.579.300			
Cộng	16,300,820,733	153,155,400	12,647,836,475	3,155,400

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7,351,086,696	4,295,999,056
Thuế TNDN truy thu các năm trước	1,558,471,113	
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	1,545,080,155	2,370,569,045
Tổng thuế TNDN phải nộp	10,454,637,964	6,666,568,101

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	510,691,901	342,472,664
Chi phí lãi vay phải trả	510,691,901	214,093,664
Chi phí dịch vụ phải trả	-	128,379,000
Cộng	510,691,901	342,472,664

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	20,298,720,103	34,141,644,742
Công ty Cổ phần Transimex - Lãi hợp tác kinh doanh	6,254,359,714	12,402,714,194
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - Lãi hợp tác kinh doanh	5,307,989,464	9,303,663,303
Công ty Cổ phần MHC - Lãi hợp tác kinh doanh	1,900,931,375	3,769,643,838
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - Lãi hợp tác kinh doanh	3,987,342,562	5,462,402,733
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - Lãi hợp tác kinh doanh	1,615,299,200	3,203,220,674
Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà	1,232,797,788	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	40,312,518,326	543,113,874
Kinh phí công đoàn, đảng phí	46,561,000	52,641,500
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	9,177,474	5,031,724
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	319,200,000
Thù lao HĐQT, BKS	135,000,000	90,000,000
Phải trả SML	36,338,550,216	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Vsico	2,550,130,390	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	814,149,246	76,240,650
Cộng	60,611,238,429	34,684,758,616

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan vốn hợp tác kinh doanh	50,000,000,000	90,604,520,000
Công ty Cổ phần Transimex	-	32,915,900,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10,000,000,000	24,688,620,000
Công ty Cổ phần MHC	-	10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	20,000,000,000	14,500,000,000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	-	8,500,000,000
Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà	20,000,000,000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	50,000,000,000	90,604,520,000

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	542,320,325	542,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	-	-	542,320,325	542,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	78,319,292,105	78,319,292,105	51,142,425,240	51,142,425,240
Vay ngắn hạn	3,757,962,845	3,757,962,845	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	74,561,329,260	74,561,329,260	51,142,425,240	51,142,425,240
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12,644,409,040	12,644,409,040	12,672,186,740	12,672,186,740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	36,123,985,500	36,123,985,500	27,321,636,000	27,321,636,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,177,894,880	7,177,894,880	7,190,526,460	7,190,526,460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	18,615,039,840	18,615,039,840	3,958,076,040	3,958,076,040
Cộng	78,319,292,105	78,319,292,105	51,684,745,565	51,684,745,565

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/01/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng/giảm do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	542,320,325	-	-	-	(542,320,325)	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	542,320,325	-	-	-	(542,320,325)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)						
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	51,142,425,240	45,181,244,222	80,737,608,361	(236,496,510)	(98,505,489,208)	78,319,292,105
Vay ngắn hạn		45,181,244,222		(6,620,509)	(41,416,660,868)	3,757,962,845
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1				(6,620,509)	(41,416,660,868)	3,757,962,845
Vay dài hạn đến hạn trả	51,142,425,240	-	80,737,608,361	(229,876,001)	(57,088,828,340)	74,561,329,260
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12,672,186,740		12,663,853,430	(60,552,608)	(12,631,078,522)	12,644,409,040
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27,321,636,000		38,584,448,000	(134,381,562)	(29,647,716,938)	36,123,985,500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,190,526,460		7,195,894,881	(18,791,055)	(7,189,735,406)	7,177,894,880
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	3,958,076,040		22,293,412,050	(16,150,776)	(7,620,297,474)	18,615,039,840
Cộng	51,684,745,565	45,181,244,222	80,737,608,361	(236,496,510)	(99,047,809,533)	78,319,292,105

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan				
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	143,122,894,109	143,122,894,109	108,841,311,351	108,841,311,351
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	6,322,363,840	6,322,363,840	19,008,439,740	19,008,439,740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	67,956,566,890	67,956,566,890	61,131,916,590	61,131,916,590
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	7,177,894,199	7,177,894,199	14,381,052,236	14,381,052,236
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iv)	61,666,069,180	61,666,069,180	14,319,902,785	14,319,902,785
Cộng	143,122,894,109	143,122,894,109	108,841,311,351	108,841,311,351

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số cuối năm	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
	Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	18,966,772,880	12,644,409,040	6,322,363,840
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	104,080,552,390	36,123,985,500	67,956,566,890	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	14,355,789,079	7,177,894,880	7,177,894,199	
Ngân hàng TMCP Quân đội	84,039,071,865	22,373,002,685	61,666,069,180	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	221,442,186,214	78,319,292,105	143,122,894,109	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31,680,626,480	12,672,186,740	19,008,439,740	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	88,453,552,590	27,321,636,000	61,131,916,590	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21,571,578,696	7,190,526,460	14,381,052,236	
Ngân hàng TMCP Quân đội	18,277,978,825	3,958,076,040	14,319,902,785	
Cộng	159,983,736,591	51,142,425,240	108,841,311,351	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng/giảm do chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	19,008,439,740		(22,222,470)	(12,663,853,430)	6,322,363,840
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	61,131,916,590	45,560,000,000	(150,901,700)	(38,584,448,000)	67,956,566,890
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	14,381,052,236		(7,263,156)	(7,195,894,881)	7,177,894,199
Ngân hàng TMCP Quân đội	14,319,902,785	69,615,000,000	24,578,445	(22,293,412,050)	61,666,069,180
Cộng	108,841,311,351	115,175,000,000	(155,808,881)	(80,737,608,361)	143,122,894,109

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2,648,342,710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối kỳ	2,648,342,710

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	9,323,543,213	5,422,000,000	(4,335,530,000)	10,410,013,213
Quỹ Hội đồng quản trị	6,218,344,434	4,067,000,000	(3,713,000,000)	6,572,344,434
Cộng	15,541,887,647	9,489,000,000	(8,048,530,000)	16,982,357,647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	149,376,806,830	(6,736,041)	520,271,812,520
Mua lại cổ phiếu quỹ đã phát hành	-	-	(7,788,034,178)	-	-	-	(7,788,034,178)
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	8,395,480,000	8,395,480,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	133,777,580,323	54,005,207	133,831,585,530
Trích lập các quỹ	-	-	-	49,008,000,000	(60,443,000,000)	-	(11,435,000,000)
Chia lợi cổ tức 2015	-	-	-	-	(22,939,129,000)	-	(22,939,129,000)
Tạm ứng cổ tức 2016	-	-	-	-	(45,878,258,000)	-	(45,878,258,000)
Số dư cuối năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	153,894,000,153	8,442,749,166	574,458,456,872
Số dư đầu năm nay	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	153,894,000,153	8,442,749,166	574,458,456,872
Nhận vốn góp	-	-	-	-	-	160,060,400,000	160,060,400,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	147,245,141,869	2,418,857,016	149,663,998,885
Trích lập các quỹ	-	-	-	20,334,000,000	(29,823,000,000)	-	(9,489,000,000)
Tạm ứng cổ tức 2017	-	-	(4,561,855,500)	-	(33,934,765,000)	-	(38,496,620,500)
Chia cổ tức bằng CP	113,115,860,000	(50,000,000)	-	-	(113,115,860,000)	-	(50,000,000)
Số dư cuối kỳ	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	124,265,517,022	170,922,006,182	836,147,235,257

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34,507,818	23,196,232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34,507,818	23,196,232
- Cổ phiếu phổ thông	34,507,818	23,196,232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573,053	456,103
- Cổ phiếu phổ thông	573,053	456,103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33,934,765	22,740,129
- Cổ phiếu phổ thông	33,934,765	22,740,129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	8,442,749,166	(6,736,041)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2,418,857,016	54,005,207
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	160,060,400,000	8,395,480,000
Số cuối kỳ	170,922,006,182	8,442,749,166

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1,741,737.34	939,033.31
Euro (EUR)	1,219.58	334.17
Dollar Singapore (SGD)	5,801.30	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	59,427,226,284	64,443,717,069
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	184,994,098,038	79,473,365,884
Doanh thu bán hàng	6,685,074,302	484,866,245
Cộng	251,106,398,624	144,401,949,198

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Quý 4 Năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	45,636,363	330,181,821
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	6,909,091	8,363,636
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác cảng	483,411,909	488,307,181
<i>Công ty Cổ phần Transimex</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	-	2,205,818,165
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	218,436,818	112,233,318
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác cảng	51,309,000	
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	83,909,090	184,545,459
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	779,616,190	4,985,113
Doanh thu cho thuê tài sản	20,222,685	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	4,056,863	175,216,615
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	2,309,167,286	950,090,915
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	936,022	355,448,642
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại HCM</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	3,111,891,292	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	-	
<i>Công ty Cổ phần hàng hải Nam Dương</i>	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	-	2,203,500

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 Năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	35,422,324,568	33,489,100,685
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	141,665,805,030	63,228,308,133
Giá vốn của dịch vụ khác	12,358,777,906	457,441,129
Cộng	189,446,907,504	97,174,849,947

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,321,038,788	2,070,235,047
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	80,962,003	79,408,780
Lãi tiền cho vay	4,748,611	201,020,002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7,500,000,000
Doanh thu từ hoạt động đầu tư	42,000	1,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	542,694,579	687,179,522
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7,198,401	2,346,927
Cộng	1,956,684,382	10,540,191,278

4. Chi phí tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Chi phí lãi vay	1,579,703,201	1,040,381,337
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	15,707,495	278,654,032
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2,108,603	1,425,691,076
Cộng	1,597,519,299	2,744,726,445

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4,600,917,260	3,372,254,763
Chi phí vật liệu quản lý	546,953,353	472,359,953
Chi phí đồ dùng văn phòng	289,232,976	187,716,761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532,874,249	494,733,180
Thuế, phí và lệ phí	31,660,000	29,023,000
Dự phòng phải thu khó đòi	(100,000,000)	109,439,639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,622,235,111	1,366,423,488
Các chi phí khác	3,714,789,598	2,989,366,780
Cộng	12,238,662,547	9,021,317,564

6. Thu nhập khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Tiền bồi thường	240,220,000	36,179,838
Thu nhập khác	26,599,090	7,004,566
Cộng	266,819,090	43,184,404

7. Chi phí khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Chi phí bồi thường	178,920,662	
Thuế bị phạt, bị truy thu	623,843,760	
Chi phí khác	22,506,845	(22,312,072)
Cộng	825,271,267	(22,312,072)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	147,245,141,869	133,777,580,323
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9,680,000,000)	(9,489,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	137,565,141,869	124,288,580,323
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	40,847,401	34,250,715
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3,368	3,629

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34,250,715	22,939,129
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(315,950)	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	6,912,636	11,311,586
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40,847,401	34,250,715

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	3,754,362,102	3,019,307,911
Thù lao HĐQT	216,000,000	216,000,000
Cộng	3,970,362,102	3,235,307,911

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</i>		
Trả cổ tức	-	2,062,500,000
Chia lợi nhuận tàu	3,203,220,674	2,102,967,841
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại HP</i>	-	
Phải trả về cung cấp dịch vụ	23,454,545	
<i>Công ty Cổ phần Transimex</i>	-	
Chia lợi nhuận tàu	12,402,714,194	8,313,405,995
Trả cổ tức	-	15,945,410,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	562,346,362	525,767,275
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>	-	
Cho vay	-	8,500,000,000
Thu tiền cho vay	-	8,500,000,000
Trả cổ tức	-	6,090,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	1,347,351,066	1,282,280,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,753,430,829	1,195,772,188
Phải trả về cung cấp dịch vụ cho hoạt động đại lý	496,075,562	
Nhận góp vốn BCC	20,000,000,000	
<i>Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</i>	-	
Trả gốc vay	542,320,325	1,200,000,000
Trả cổ tức	-	3,871,203,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	37,352,000	32,581,500
<i>Công ty Cổ Phần Hải Minh</i>	-	-
Trả cổ tức	-	1,260,000,000
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	-	-
Chia lợi nhuận tàu	9,303,663,303	6,236,149,932
Nhận chia lãi	-	500,000,000
Nhận góp vốn BCC	10,000,000,000	-
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	3,075,991,103	29,700,000
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại HP</i>	-	-
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	318,400,000	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại HCM</i>	-	-
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	882,051,333	-
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương</i>	-	-
Trả cổ tức	-	2,600,640,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ này năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	285,896,448,102	441,859,417,341	50,173,768,889	777,929,634,332
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285,896,448,102	441,859,417,341	50,173,768,889	777,929,634,332
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	130,031,060,886	58,275,279,691	15,312,738,927	203,619,079,504
Các chi phí không phân bổ theo bộ				(45,404,850,359)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				158,214,229,145
Doanh thu hoạt động tài chính				16,560,361,052
Chi phí tài chính				(6,484,240,121)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				3,965,357,969
Thu nhập khác				1,549,690,713
Chi phí khác				(1,222,161,019)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(20,039,658,854)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				152,543,578,885
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	13,421,128,856	7,822,032,949	723,017,224	21,966,179,029
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	47,096,369,010	55,508,858,773	4,870,411,656	107,475,639,439
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ này năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	242,664,424,586	242,983,406,876	1,933,674,896	487,581,506,358
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	242,664,424,586	242,983,406,876	1,933,674,896	487,581,506,358
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	116,520,717,901	50,080,958,520	130,010,864	166,731,687,285
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(32,371,884,670)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				134,359,802,615
Doanh thu hoạt động tài chính				21,094,354,635
Chi phí tài chính				(5,949,798,247)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(1,843,769,338)
Thu nhập khác				1,077,325,268
Chi phí khác				(75,055,320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14,831,274,083)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				133,831,585,530

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>44,193,349,935</i>	<i>33,283,402,149</i>	<i>77,476,752,084</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>48,213,315,289</i>	<i>40,345,693,371</i>	<i>88,559,008,660</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	409,585,467,527	608,102,063,874	28,706,047,122	1,046,393,578,523
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				263,252,331,533
Tổng tài sản				1,309,645,910,056
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	66,327,566,238	310,124,818,604	52,581,389,399	429,033,774,241
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				44,454,483,850
Tổng nợ phải trả				473,488,258,091
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	364,071,094,607	344,722,295,401		708,793,390,008
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				257,526,269,634
Tổng tài sản				966,319,659,642
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	30,502,940,559	313,945,697,141		344,448,637,700
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				47,412,565,070
Tổng nợ phải trả				391,861,202,770

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018



Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc